

Số: 1947/QĐ-CTHADS-KHTC

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 7 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai giao dự toán thu, chi ngân sách Nhà nước năm 2022

CỤC TRƯỞNG CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ - CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT - BTP ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT - BTC, ngày 28/9/2018 của Bộ Tài Chính, sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT - BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 1944/QĐ-CTHADS-KHTC, ngày 07 tháng 07 năm 2022 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh, về việc điều chỉnh, bổ sung dự toán chi ngân sách Nhà nước năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Công bố công khai điều chỉnh, bổ sung dự toán chi ngân sách Nhà nước năm 2022 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hồ Chí Minh (theo biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Trưởng phòng Kế hoạch Tài chính của Cục thi hành án dân sự thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Các Phó Cục trưởng (để biết);
- Lưu VT-KHTC.





DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

(Kèm theo Quyết định số 1947... /QĐ - CTHADS - KHTC ngày 07.../.../2022 của Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự
thành phố Hồ Chí Minh)

Đơn vị tính: 1.000 đồng

STT	Nội dung	Dự toán được giao
1	2	3
B	Dự toán chi Ngân sách nhà nước	
I	Nguồn ngân sách trong nước	(10.866.155)
1	Chi quản lý hành chính	(10.866.155)
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	(10.291.700)
	Tiền lương, phụ cấp và các khoản đóng góp cho CBCC	
	Chi thường xuyên theo định mức	(10.291.700)
	Kinh phí quản lý ngành	
	Kinh phí hỗ trợ lao động theo NĐ68/2000	
	Quỹ thi đua khen thưởng tập trung tại Tổng Cục	
	Đặt báo PLVN tập trung	
	Quỹ thi đua khen thưởng tập trung tại Cục	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	(574.455)
	Kinh phí tạm ứng cưỡng chế	
	Thừa phát lại (Đương sự chịu)	
	Kinh phí may trang phục	(574.455)

(Handwritten mark)

Số: 1948 /QĐ-CTHADS-KHTC

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 7 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai điều chỉnh, bổ sung dự toán chi ngân sách Nhà nước
năm 2022

CỤC TRƯỞNG CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ - CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT - BTP ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT - BTC, ngày 28/9/2018 của Bộ Tài Chính, sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT - BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 1943/QĐ-CTHADS-KHTC, ngày 07 tháng 07 năm 2022 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh, về việc điều chỉnh, bổ sung giao dự toán chi ngân sách Nhà nước năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Công bố công khai điều chỉnh, bổ sung dự toán chi ngân sách Nhà nước năm 2022 của các đơn vị (theo biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Trưởng phòng Kế hoạch Tài chính của Cục thi hành án dân sự thành phố và Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Các Phó Cục trưởng (để biết);
- Lưu VT-KHTC.



Q. CỤC TRƯỞNG

Nguyễn Văn Hoà

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC ĐƯỢC GIAO VÀ PHÂN BỐ CHO CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC NĂM 2022

(Kèm theo Quyết định số 1918/QĐ - CTHADS - KHTC ngày 07/7/2022 của Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự thành phố Hồ Chí Minh)

Đơn vị tính: 1.000 đồng

STT	Nội dung	Tổng số được giao	Tổng số đã phân bổ	Trong đó										
				VP cục	TP.Thủ Đức	Quận 1	Quận 3	Quận 4	Quận 5	Quận 6	Quận 7	Quận 8	Quận 10	
B	Dự toán chi Ngân sách nhà nước													
I	Nguồn ngân sách trong nước	-	-	(10.866.155)	988.550	526.760	354.490	323.160	323.505	375.945	427.485	597.620	328.750	
1	Chi quản lý hành chính	-	-	(10.866.155)	988.550	526.760	354.490	323.160	323.505	375.945	427.485	597.620	328.750	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	-	-	(10.291.700)	938.150	498.750	332.500	304.800	304.800	356.300	403.800	570.000	308.750	
	Tiền lương, phụ cấp và các khoản đóng góp cho CBCC		-											
	Chi thường xuyên theo định mức		-	(10.291.700)	938.150	498.750	332.500	304.800	304.800	356.300	403.800	570.000	308.750	
	Kinh phí quản lý ngành		-											
	Kinh phí hỗ trợ lao động theo NĐ68/2000		-											
	Kinh phí hỗ trợ thực hiện nhiệm vụ kế toán		-											
	Quỹ thi đua khen thưởng tập trung tại Tổng Cục		-											
	Đặt báo PLVN tập trung		-											
	Quỹ thi đua khen thưởng tập trung tại Cục		-											
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	-	-	(574.455)	50.400	28.010	21.990	18.360	18.705	19.645	23.685	27.620	20.000	
	Kinh phí tạm ứng cưỡng chế		-											
	Thừa phát lại (Đương sự chịu)		-											
	Kinh phí bảo trì trụ sở, kho vật chứng		-											
	KP thuê kho		-											
	Kinh phí may trang phục		-	(574.455)	50.400	28.010	21.990	18.360	18.705	19.645	23.685	27.620	20.000	



STT	Nội dung													
		Quận 11	Quận 12	Gò Vấp	Phú Nhuận	Tân Bình	Tân Phú	Bình Thạnh	Bình Tân	Bình Chánh	Củ Chi	Cần Giờ	Hóc Môn	Nhà Bè
B	Dự toán chi Ngân sách nhà nước													
I	Nguồn ngân sách trong nước	367.005	595.485	643.585	401.045	574.610	497.995	630.740	629.135	490.120	637.885	250.490	575.375	326.420
1	Chi quản lý hành chính	367.005	595.485	643.585	401.045	574.610	497.995	630.740	629.135	490.120	637.885	250.490	575.375	326.420
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	348.300	562.050	609.550	380.000	546.250	475.000	597.700	593.750	463.100	605.600	237.500	546.300	308.750
	Tiền lương, phụ cấp và các khoản đóng góp cho CBCC													
	Chi thường xuyên theo định mức	348.300	562.050	609.550	380.000	546.250	475.000	597.700	593.750	463.100	605.600	237.500	546.300	308.750
	Kinh phí quản lý ngành													
	Kinh phí hỗ trợ lao động theo NĐ68/2000													
	Kinh phí hỗ trợ thực hiện nhiệm vụ kế toán													
	Quỹ thi đua khen thưởng tập trung tại Tổng Cục													
	Đặt báo PLVN tập trung													
	Quỹ thi đua khen thưởng tập trung tại Cục													
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	18.705	33.435	34.035	21.045	28.360	22.995	33.040	35.385	27.020	32.285	12.990	29.075	17.670
	Kinh phí tạm ứng cưỡng chế													
	Thừa phát lại (Đương sự chịu)													
	Kinh phí bảo trì trụ sở, kho vật chứng													
	KP thuê kho													
	Kinh phí may trang phục	18.705	33.435	34.035	21.045	28.360	22.995	33.040	35.385	27.020	32.285	12.990	29.075	17.670



Handwritten signature or mark.